

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày: 26-07-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM YẾN NHƯ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

2. Bà NGUYỄN THỊ NGỌC

- **Thư ký phiên tòa:** Ông MAI VŨ HOÀI PHƯƠNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà NGUYỄN THỊ KIM NGÂN.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐ-HPT ngày 5/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Quỳnh V** - Sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 77, Thôn Đà Lâm, xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm đồng.

Bà V uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 5, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.1, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Bích T** - Sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Huỳnh Thị C** - Sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 1, Thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

2. Bà **Nguyễn Thị Quỳnh D** – Sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng..

- **Người làm chứng:** Nguyễn Thị Thu V (Chị gái Nguyễn Thị Thu T1), sinh năm 1985, Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn bà Hương có mặt, bà V có mặt, bà D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà T vắng mặt không có lý do; Bà C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các bản khai nguyên đơn bà Quỳnh V trình bày:*

Tôi và bà Lê Thị Bích T là chị em hàng xóm và cùng làm ăn với nhau. Đến nay còn nợ tôi chưa thanh toán:

- Lần 1: Vào ngày 25.3.2018 bà Lê Thị Bích T nhờ tôi dẫn đến nhà bà Nguyễn Thị Thu T1 để mượn dùm cho bà T số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), thỏa thuận 01 năm hai bên sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi. Tại nhà bà T1 thì bà T nhận từ bà T1 500.000.000đ. Viết giấy nợ người cho mượn là bà T1, người mượn là bà T. Tuy nhiên bà T1 chỉ biết đòi nợ tôi vì tôi đảm bảo thì bà T1 mới cho bà T vay. Còn tôi có trách nhiệm đòi nợ bà T vì vậy tôi cầm giấy nợ gốc.

Từ lúc vay cho tới nay bà T chưa trả được đồng nào cả gốc lẫn lãi cho tôi dù tôi đã đòi nhiều lần.

Tuy nhiên khoản nợ này bà T1 đồng ý sẽ dàn xếp sau nên tôi rút yêu cầu khởi kiện khoản tiền này.

- Lần 2: Vào ngày 25.1.2019 bà Lê Thị Bích T nhờ tôi dẫn đến nhà bà Nguyễn Thị Quỳnh D để mượn dùm cho bà T số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), thỏa thuận sau mấy tháng hai bên sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi. Tại nhà bà D thì bà T nhận từ bà D 700.000.000đ. T là người viết giấy nợ người cho mượn là bà D, người mượn là bà T. Tuy nhiên bà D chỉ biết đòi nợ tôi vì tôi đảm bảo thì bà D mới cho bà T vay. Còn tôi có trách nhiệm đòi nợ bà T vì vậy tôi cầm giấy nợ gốc.

Từ lúc vay cho tới nay bà T chưa trả được đồng nào cả gốc lẫn lãi cho tôi dù tôi đã đòi nhiều lần.

- Lần 3: Vào ngày 25.4.2019 bà Lê Thị Bích T nhờ tôi đến bà Huỳnh Thị C để mượn dùm cho bà T số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận khi bà C đòi thì bà T phải trả đủ tiền gốc, còn tiền lãi thì trả hàng tháng theo thỏa thuận. T tự điền vào giấy nợ và ký người vay, còn tôi không ký vì tôi giữ giấy gốc. Sau khi vay thì bà T không trả tiền lãi cho tôi, còn tôi dùng tiền của mình trả lãi cho bà C. Thấy tình hình không ổn nên bà C bắt tôi viết nợ ngày 05.3.2020 và kiện tôi, Tòa án đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận số 62/2020/QĐST-DS ngày 14.8.2020 tôi phải trả nợ cho bà C 800.000.000đ.

Còn bà T tôi đã yêu cầu bà T trả nhiều lần nhưng bà T vẫn chưa trả đồng nào.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Bích T phải trả cho tôi tổng số tiền gốc là: 850.000.000đ + 700.000.000đ = 1.550.000.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) theo 02 giấy nợ gốc ngày 25.1.2019 và 25.4.2019 kèm theo tin nhắn. Tôi yêu cầu tiền lãi bà T trả lãi theo mức 1%/tháng trên tổng số tiền 1.550.000đ tính từ ngày tôi kiện ra tòa 14.5.2020 cho đến ngày xét xử. **Tạm tính đến hôm nay là tròn 48 tháng (4 năm). Cụ thể là 1.550.000.000đồng x 1% x 48 tháng = 506.400.000đ.**

** Bị đơn bà Lê Thị Bích T khai:* Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai giữa bà V và bà T

Những lời trình bày của bà V như trên tôi không công nhận, không đúng. Tôi không nợ nần gì bà Quỳnh V. Tôi yêu cầu bà V cung cấp giấy nợ gốc.

- Tôi có nợ bà Quỳnh D 700.000.000đ nhưng tôi đã trả hết nợ.
- Tôi có nợ bà Thu T1 500.000.000đ nhưng tôi đã trả hết nợ.
- Tôi không có nợ nần gì với bà C.

Vậy nay chị Quỳnh V kiện tôi đòi 2.050.000.000đ (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) thì tôi không đồng ý, tôi không nợ nần gì chị V.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị C trình bày: Theo bản tự khai ngày 27.4.2021.

Tôi có cho cô V mượn 850.000.000đ. Cô V mượn đưa cho ai tôi không biết. Tôi chỉ biết cô V và cô V phải có trách nhiệm trả tiền cho tôi.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh D trình bày:

Vào ngày 25/01/2019 tôi có cho bà Nguyễn Thị Quỳnh V mượn số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu). Bà V bảo lãnh mượn số tiền trên cho bà Lê Thị Bích T nên tôi mới cho mượn, nhưng tôi thỏa thuận với bà V và bà T là tôi chỉ biết bà V và bà V phải chịu trách nhiệm số tiền trên nếu bà T không trả dù bà T cũng viết giấy nợ cho tôi để bảo đảm. Đến hạn 25.3.2019 bà T không trả được nợ, sau đó bà T cam đoan từ ngày 25/06/2019 là sẽ trả nhưng đến ngày trả thì bà T cứ nhấn tin hẹn hoài và tôi cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả và tới giờ vẫn chưa trả cho bà V cũng như không trả cho tôi.

Theo đơn phản bác của bà T có ghi kèm giấy trả tiền ngày 15.10.2019 bà T trả nợ cho tôi số tiền 300.000.000đ. Tôi xin trình bày như sau: Bà T vay tiền rất nhiều người, nhiều lần. Ngoài số tiền 700.000.000đ Vy bảo lãnh thì bà T còn nợ tôi khoản tiền 300.000.000đ, khoản nợ này chị O là chị ruột T đã giúp T trả cho tôi, giấy gốc chị O đã thu hồi, không liên quan tới số nợ 700 triệu ngày 25.01.2019.

Việc chị Quỳnh V kiện bà T số tiền vay từ tôi, T1, C đều là sự thật. Bà T nợ nần nhiều nên V bảo lãnh thì chúng tôi mới cho vay.

3. Bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Theo bản tự khai

Vào ngày 25/03/2018 tôi có cho bà Lê Thị Bích T mượn 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) thỏa thuận một năm trả cả gốc lẫn lãi và bà Nguyễn Thị Quỳnh V đứng ra bảo lãnh, nếu bà T không trả cho tôi thì bà V hoàn toàn chịu trách nhiệm với số tiền trên và cho đến ngày nay thì tôi đã nhắc nhở nhiều lần mà bà T vẫn chưa chịu trả cho tôi. Tôi yêu cầu bà V phải có trách nhiệm trả tiền cho tôi mặc dù bà T có viết giấy nợ cho tôi.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu đối với khoản nợ 500.000.000đ theo giấy vay ngày 25.3.2018 (tên người cho

vay là bà Nguyễn Thị Thu T1, người vay là bà Lê Thị T) và rút yêu cầu đối với khoản nợ 700.000.000đ theo giấy vay ngày 25.1.2019 (tên người cho vay là bà Nguyễn Thị Quỳnh D, người vay là bà Lê Thị Bích T). Giữ nguyên yêu cầu bà Lê Thị Bích T phải trả lại cho bà số tiền gốc 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo giấy vay ngày 25.4.2019 (tên người cho vay không có, người vay là bà Lê Thị Bích T). Yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ tháng 7/2019 đến ngày xét xử.

Bà T vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng phát biểu:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, thực hiện đúng các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 70, 71 BLTT dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh V, buộc bà Lê Thị Bích T phải trả cho bà V số tiền gốc 850.000.000đ và tiền lãi 400.000.000đ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bà Lê Thị T phải trả cho bà V 02 khoản tiền 500.000.000đ theo giấy vay ngày 25.3.2018 và 700.000.000đ theo giấy vay ngày 25.1.2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh V và bị đơn bà Lê Thị Bích T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Lê Thị Bích T, bà Huỳnh Thị C vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả 03 khoản nợ: 500.000.000đ theo giấy vay ngày 25.3.2018; 700.000.000đ theo giấy vay ngày 25.1.2019 và 850.000.000đ và tiền lãi theo giấy vay 25.4.2019 (tên người cho vay không có, người vay là bà Lê Thị Bích T).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà V rút yêu cầu 02 khoản nợ 500.000.000đ theo giấy vay ngày 25.3.2018 (tên người cho vay là bà Nguyễn Thị Thu T1, người vay là bà Lê Thị T) và 700.000.000đ theo giấy vay ngày 25.1.2019 nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu 02 khoản nợ này.

Bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Bích T phải trả lại cho bà số tiền gốc 850.000.000đ và tiền lãi theo giấy vay 25.4.2019. Bà T không chấp nhận trả số nợ 850.000.000đ vì không nợ nần gì bà Quỳnh Vy. Yêu cầu bà V cung cấp giấy nợ gốc và bà cũng không có nợ nần gì với bà C. Bà V xuất trình giấy gốc, bà T đã kiểm tra giấy gốc.

Xét *Giấy vay tiền* ngày 25.4.2019 (tên người cho vay không có, người vay là bà Lê Thị Bích T, số tiền vay là 850.000.000đ) bản gốc do bà V giữ, bà T công nhận chữ ký, chữ viết của mình, không yêu cầu giám định... Qua bản tự khai của bà C; tin nhắn đòi nợ giữa bà V và bà T; Hồ sơ bà C kiện bà V đã được giải quyết tại QĐ CNSTT 62/2020/QĐST-DS ngày 14.8.2020 của Tòa án huyện Đ và tại phiên tòa hôm nay bà V xuất trình hồ sơ đã chấp hành xong Quyết định, đã thanh toán hết 800.000.000đ cho bà Huỳnh Thị C (Quá trình giải quyết bà C giảm cho bà V 50.000.000đ)... Xác định được việc bà V vay tiền từ bà C và cho bà T vay lại 850.000.000đ là có thật. Yêu cầu khởi kiện của bà V có cơ sở chấp nhận.

* **Về lãi suất:** Bà V yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 850.000.000đ, theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ tháng 7/2019 đến ngày xét xử.

Do trên giấy chốt nợ không thể hiện có lãi suất nên mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 là 0.833%/tháng; Vì vậy yêu cầu tính lãi được chấp nhận. Tính từ tháng 7/2019 cho đến ngày xét xử là 59 tháng.

Cụ thể $(850.000.000đ \times 0.833\%) \times 59 \text{ tháng} = 416.245.000đ$. Bà V tự nguyện làm tròn là 400.000.000đ.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, qua xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh V. Buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền gốc 850.000.000đ và 400.000.000đ tiền lãi là có căn cứ đúng pháp luật.

Tổng cộng cả gốc và lãi bà T phải trả cho bà V là 1.250.000.000đ

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà V là $1.250.000.000đ = 36.000.000đ + (450.000.000đ \times 3\%) = 49.500.000đ$ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh V, buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và 400.000.000đ tiền lãi theo giấy vay 25.4.2019. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bà Lê Thị Bích T phải trả cho bà V 02 khoản tiền 500.000.000đ theo giấy vay ngày 25.3.2018 và 700.000.000đ theo giấy vay ngày 25.1.2019.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh V số tiền 36.500.000đ bà V đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000105 ngày 14/5/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị Quỳnh V có quyền kháng cáo, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKS H.Đức Trọng, T. Lâm Đồng.
- Chi cục THA dân sự
H.Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Yến Như